

Bản án số: 18/2022/HS-PT
Ngày: 09-02-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt; Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 84/2021/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 64/2021/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Ngọc L , sinh năm 1992 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp P , xã T , huyện B , tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: lái xe ô tô; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc L và bà Phạm Thị Ng ; vợ: Dương Huỳnh H (đã ly hôn); có một người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 22 tháng 7 năm 2012 bị đưa đi cơ sở giáo dục Bến Giá theo Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 19/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về hành vi “gây rối trật tự công cộng” với thời gian 24 tháng, chấp hành xong ngày 22/01/2014; bị cáo tại ngoại, có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc L : Luật sư Nguyễn Nghệ A -thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre, có mặt;

- Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của bị hại Nguyễn Minh N (đã chết):

+ Nguyễn Văn T (cha của anh N), sinh năm 1972;

+ Nguyễn Thị Thanh Th (mẹ của anh N), sinh năm 1977;

Cùng cư trú tại: ấp A , xã A H , huyện C , tỉnh Bến Tre;

+ Lưu Thị Ái T (vợ của anh N), sinh năm 1993;

+ Nguyễn Lưu Bảo C (con của anh N), sinh ngày 27/8/2016;

Cùng cư trú tại: ấp L , xã L T , huyện B , tỉnh Bến Tre;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Th , chị T và cháu C: ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1972; Nơi cư trú: ấp A , xã A H , huyện C , tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 15 phút ngày 20/01/2021, Nguyễn Ngọc L điều khiển xe ô tô biển số xxC-xxx.xx lưu thông trên Quốc lộ 57B theo hướng từ cầu A H đến ngã tư huyện C. Khi lưu thông đến khu vực thuộc ấp Q, xã Q S, huyện C, tỉnh Bến Tre, L phát hiện Nguyễn Minh N đang say rượu, đứng giữa đường giơ 02 tay chặn xe lại. L dừng xe, N chửi bới, dùng tay đập vào đầu xe và bên hông xe. L xuống kiểm tra xe và chửi N, N đi lại đứng đối diện chửi L. Tức giận, L dùng tay phải nắm mạnh một cái vào vùng môi và cằm bên trái của N, làm N té ngã ngựa đập đầu xuống đường. Thấy N nằm dưới đường còn cử động, L lên xe, điều khiển xe ô tô đi về hướng thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục giao hàng. Còn N nằm tại hiện trường và tử vong sau đó.

Căn cứ Biên bản khám nghiệm tử thi ngày 20/01/2021 và Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 14/TT ngày 16/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bến Tre kết luận: Nguyễn Minh N chết do chấn thương sọ não gây xuất huyết, tụ máu nội sọ và giập não. Cơ chế hình thành vết thương là do tác động tương hỗ với vật tày gây ra. Các bộ phận 02 tay, 02 chân, cơ quan sinh dục, cổ ngực, bụng, lưng và mông không bị tổn thương. Miệng có máu loãng chảy ra; môi dưới và niêm mạc má trái bị giập, bầm tụ máu; vùng đỉnh chằm cách vành tai trái 08cm có diện phù nề, xây sát da, bầm tụ máu (8,5 x 5,5) cm.

Ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại Nguyễn Minh N yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc L bồi thường cho ông số tiền 276.405.000 đồng, bao gồm: tiền tổn thất tinh thần 130.000.000 đồng; chi phí cấp dưỡng nuôi con của N cho đến năm 18 tuổi là 90.000.000 đồng; tiền xe chở N từ bệnh viện về nhà 1.000.000 đồng; chi phí mai táng 55.405.000 đồng. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc L đã bồi thường cho ông Tài 20.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2021/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc L phạm “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 591, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc L đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng; buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho người đại diện theo pháp luật của bị hại Nguyễn Minh N số tiền 256.405.000 đồng (hai trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật

Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/10/2021, bị cáo Nguyễn Ngọc L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngày 11 tháng 11 năm 2021, bị cáo Nguyễn Ngọc L kháng cáo bổ sung yêu cầu xem xét lại tiền bồi thường thiệt hại gồm: tiền tổn thất tinh thần, tiền cấp dưỡng nuôi con và tiền mai táng phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với phần hình phạt, thay đổi yêu cầu kháng cáo đối với phần tiền bồi thường thiệt hại gồm: không đồng ý bồi thường tiền bù đắp tổn thất về mặt tinh thần; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bị hại 1.000.000 đồng/tháng. Đối với chi phí mai táng và tiền xe bị cáo đồng ý bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt; giữ nguyên phần trách nhiệm dân sự. Cụ thể: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L từ 05 năm đến 06 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Buộc bị cáo bồi thường cho đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền 256.405.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo không tranh luận về tội danh, điều khoản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử lý đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt do bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân; mặc dù hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng bị cáo vẫn cố gắng bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại 20 triệu đồng. Về phần trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm mức bù đắp tổn thất về mặt tinh thần do nạn nhân cũng có lỗi; cấp dưỡng nuôi con của bị hại 1.000.000 đồng/tháng.

Đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị xem xét giảm hình phạt cho bị cáo, nhưng phần trách nhiệm dân sự đề nghị giữ nguyên theo quyết định của bản án sơ thẩm hoặc cấp dưỡng nuôi con bị hại 2.500.000 đồng/tháng.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt do hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính nuôi con nhỏ và sớm cải tạo về làm thuê kiếm tiền bồi thường tiếp cho gia đình bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện điều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: vào khoảng 20 giờ 15 phút ngày 20/01/2021, tại Quốc lộ 57B, khu vực thuộc ấp Q, xã Q S, huyện C, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Ngọc L vì tức giận bị Nguyễn Minh N chặn đầu xe và dùng tay đập vào đầu xe, hông xe ô tô biển số xxC-xxx.xx do L đang điều khiển, nên L đã có hành vi dùng tay phải đâm mạnh một cái vào vùng môi và cằm bên trái của N, làm N té ngã ngã đập đầu xuống đường và tử vong. Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 14/TT ngày 16/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận Nguyễn Minh N chết do chấn thương sọ não gây xuất huyết, tụ máu nội sọ và giập não. Cơ chế hình thành vết thương là do tác động tương hỗ với vật tày gây ra. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo L phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “làm chết người” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo L yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo L 07 năm tù. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo cung cấp một đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo nghề nghiệp là lái xe nhưng hiện tại đang thất nghiệp, không có thu nhập, bị cáo và vợ đã ly hôn nên phải nuôi con nhỏ đang sắp đi học. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự Tòa án cấp sơ thẩm đã có xem xét cho bị cáo. Tuy nhiên, việc bị hại trong đêm tối ra đường chặn đầu xe, rồi sau đó dùng tay đập vào thùng xe và có lời lẽ thách thức bị cáo thì không phải là lỗi đơn thuần mà thuộc trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân, song Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là thiếu xót. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm hình phạt theo đề nghị của người bào chữa và kiểm sát viên.

Xét kháng cáo của bị cáo L yêu cầu xem xét lại phần trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T là người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Minh N yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc L bồi thường số tiền 276.405.000 đồng, bao gồm: tiền bù đắp tổn thất về mặt tinh thần do tính mạng bị xâm phạm là 130.000.000 đồng; chi phí cấp dưỡng nuôi con của anh N từ khi xảy ra vụ án cho đến khi con anh N đủ 18 tuổi là 90.000.000 đồng; tiền thuê xe chở xác anh N từ bệnh viện

về nhà 1.000.000 đồng; chi phí mai táng 55.405.000 đồng. Bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường tất cả các khoản nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên để bị cáo thi hành.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo yêu cầu xem xét lại phân trách nhiệm dân sự, cụ thể: không đồng ý bồi thường tiền bù đắp tổn thất về mặt tinh thần; cấp dưỡng nuôi con bị hại 1.000.000 đồng/tháng. Đối với chi phí mai táng và tiền thuê xe đồng ý theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Thấy rằng, tại phiên tòa sơ thẩm giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bồi thường các khoản sau: chi phí mai táng 55.405.000 đồng; tiền xe chở xác nạn nhân 1.000.000 đồng; bù đắp tổn thất về mặt tinh thần do tính mạng bị xâm phạm 130.000.000 đồng; cấp dưỡng nuôi con nạn nhân một lần là 90.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng xác nhận sự thỏa thuận trên là tự nguyện, không bị ai ép buộc hoặc bị nhầm lẫn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự thì ***“... mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng”***. Đồng thời các khoản tiền bồi thường, cấp dưỡng nêu trên là phù hợp với Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật Dân sự nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo bổ sung của bị cáo và người bào chữa mà cần giữ nguyên để bị cáo thi hành.

Trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường trước cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 20.000.000 đồng nên được đối trừ vào tổng số tiền bồi thường.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tổ tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo Nguyễn Ngọc L không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo; sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm e, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 06 (sáu) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.2. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 3, 584, 585, 586, 591; 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L tiếp tục bồi thường cho người đại diện theo pháp luật của bị hại Nguyễn Minh N số tiền 256.405.000 đồng (hai trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng). Số tiền bồi thường do ông Nguyễn Văn T đại diện nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Ngọc L không phải chịu.

3. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện C (3b);
- Công an và VKSND huyện C (2b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- UBND xã T, huyện B (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn